

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/10/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Sầm Dất Phấn**.

2. Ông **Phạm Văn Sơn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị H Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Văn Hội** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 434/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Ngọc H**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số 220, Tổ 5, KP Hiệp Tâm 1, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Vũ Đình T**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: ấp Hòa Thành, xã Ngọc Định, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện các ngày 24/4/2019, 30/7/2019; bản tự khai ngày 10/9/2019 nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Định và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/2008. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau, đời sống hôn nhân không thể hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay chị H không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vũ Trần Khánh T, sinh ngày 01/02/2009; Vũ Thị Ánh P, sinh ngày 23/9/2010 và Vũ Ngọc Nhung, sinh ngày 06/6/2013 khi ly hôn chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 11/10/2019 chị H đã nộp đơn xin vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải và xét xử.

Ngoài ra, chị H không trình bày gì thêm và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/10/2019 bị đơn anh Vũ Đình T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Định và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/2008. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010, nguyên nhân do chị H không chung thủy, nhiều lần có nhiều người đến đánh ghen, anh T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được vì vậy vợ chồng gây gỗ, cãi nhau sau đó chị H sống ly thân với anh từ năm 2016. Nay anh T không còn tình cảm với chị H nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vũ Trần Khánh T, sinh ngày 01/02/2009; Vũ Thị Ánh P, sinh ngày 23/9/2010 và Vũ Ngọc Nhung, sinh ngày 06/6/2013 khi ly hôn anh T đồng ý giao cả ba con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 07/10/2019 anh T đã nộp đơn xin vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải và xét xử.

Ngoài ra, anh T không trình bày gì thêm và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Đ:

Về tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống vợ chồng chị H và anh T đã thật sự mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hơn nữa anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H có nghề nghiệp ổn định, có đạo đức tốt và hiện tại cháu T, cháu P và cháu Nhung đang sống cùng chị H, các cháu đều có nguyện vọng được sống chung với chị H, mặt khác anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị H nên đề nghị giao cả ba con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Vũ Đình T có nơi cư trú tại ấp Hòa Thành, xã Ngọc Định, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách của đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị Trần Thị Ngọc H là nguyên đơn, anh Vũ Đình T là bị đơn.

[4] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị H và bị đơn anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Định, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/2008 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp (bút lục số 12).

Xét yêu cầu khởi kiện của chị H: Chị xin ly hôn với anh T vì lý do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân do chị H sống không chung thủy. Mặt khác vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 và cả hai đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên anh T đồng ý ly hôn với chị H (bút lục số 28, 29).

Qua xem xét lời trình bày của chị H, anh T và kết quả xác minh tại địa phương có đủ căn cứ xác định vợ chồng anh, chị thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng chị H đã có mâu thuẫn, không còn khả năng đoàn tụ, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T theo Điều 51, 53, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị H có nguyện vọng nuôi các cháu Vũ Trần Khánh T, sinh ngày 01/02/2009; Vũ Thị Ánh P, sinh ngày 23/9/2010 và Vũ Ngọc Nhung, sinh ngày 06/6/2013 và anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị H. Mặt khác hiện nay các cháu đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, đồng thời các cháu cũng có nguyện vọng được chung sống với chị H nên tiếp tục giao cả ba con

chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời miễn cho anh T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 220, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc H. Chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Vũ Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Trần Khánh T, sinh ngày 01/02/2009; Vũ Thị Ánh P, sinh ngày 23/9/2010 và Vũ Ngọc Nhung, sinh ngày 06/6/2013 cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Chị H và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời miễn cho anh T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0002533 ngày 21/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được tính trừ vào số tiền án phí chị H phải chịu. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Chị Trần Thị Ngọc H và anh Vũ Đình T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Ngọc Định;
- Lưu.

Trần Văn Tuấn

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Văn Tuấn